

Số: 478/QĐ-UBND

Quang Sơn, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã Quang Sơn năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của HĐND tỉnh Ninh Bình ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ NQ số 35/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 Về quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách thành phố Tam Điệp năm 2023; Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố Tam Điệp về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Quang Sơn khoá IX, kỳ họp thứ 6 về việc quyết định dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách xã Quang Sơn năm 2023;

Xét đề nghị của công chức tài chính - kế toán xã Quang Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã Quang Sơn năm 2023 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước	351.192	triệu đồng
a. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã	338.200	triệu đồng
b. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.992	triệu đồng
2. Tổng dự toán thu ngân sách xã	15.987	triệu đồng
a. Các khoản thu trong cân đối chi thường xuyên	1.245	triệu đồng
- Lệ phí môn bài	4	triệu đồng
- Phí và lệ phí tại xã	35	triệu đồng

- Thu khác tại xã	30	triệu đồng
- Thuế giá trị gia tăng hộ kinh doanh	24	triệu đồng
- Lệ phí trước bạ nhà đất	462	triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60	triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân từ sản xuất kinh doanh	5	triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng đất	625	triệu đồng
b. Thu tiền sử dụng đất	1.750	triệu đồng
c. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.992	triệu đồng
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.128	triệu đồng
- Bổ sung có mục tiêu	7.864	triệu đồng
3. Dự toán chi ngân sách xã	15.987,0	triệu đồng
a. Chi đầu tư	7.096,0	triệu đồng
b. Chi thường xuyên	8.473,0	triệu đồng
- Chi sự nghiệp quốc phòng	221,8	triệu đồng
- Chi sự nghiệp an ninh	51,3	triệu đồng
- Chi sự nghiệp giáo dục	2.135,0	triệu đồng
- Chi sự nghiệp văn hoá TT	97,5	triệu đồng
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	31,5	triệu đồng
- Chi sự nghiệp kinh tế	1.238,4	triệu đồng
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	125,3	triệu đồng
- Chi sự nghiệp y tế, dân số	78,3	triệu đồng
- Chi sự nghiệp phát thanh - TH	62,1	triệu đồng
- Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	4.337,3	triệu đồng
<i>Gồm: Quản lý nhà nước</i>	2.611,5	triệu đồng
<i>Đảng</i>	795,5	triệu đồng
<i>Đoàn thể, hiệp hội</i>	930,3	triệu đồng
- Chi sự nghiệp môi trường	94,5	triệu đồng
c. 10% tiết kiệm chi hoạt động thường xuyên làm nguồn cải cách tiền lương và chế độ chính sách mới	251,0	triệu đồng
d. Dự phòng ngân sách	167,0	triệu đồng

(Có các biểu chi tiết theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016

của Bộ Tài chính đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Các ban ngành đoàn thể căn cứ vào phân bổ dự toán thực hiện chi đúng pháp lệnh kế toán thống kê, phối hợp với các bộ phận chức năng đảm bảo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra. Trong quá trình thực hiện dự toán, các hoạt động chi thường xuyên đảm bảo tiết kiệm 10% làm nguồn cải cách tiền lương và chế độ chính sách mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023.

Điều 4. Văn phòng HĐND – UBND xã, Công chức tài chính - kế toán xã, các ban ngành đoàn thể xã Quang Sơn, và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố;
- TT Đảng uỷ, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 4;
- Lưu văn phòng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Văn Hiến



Tỉnh Ninh Bình
Thành phố Tam Điệp
UBND xã Quang Sơn

Mẫu biểu số 01
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 344/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	15.987.000.000	Tổng số chi	15.987.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	69.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	7.096.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ⁽¹⁾	1.176.000.000	II. Chi thường xuyên	8.724.000.000
III. Thu tiền sử dụng đất	1.750.000.000	- Chi lương, phụ cấp	3.546.100.000
IV. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.992.000.000	- Chi hoạt động thường xuyên	4.926.900.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.128.000.000	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	251.000.000
- Bổ sung có mục tiêu	7.864.000.000	III. Chi nguồn cải cách tiền lương	
IV. Thu chuyển nguồn		IV. Dự phòng	167.000.000

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

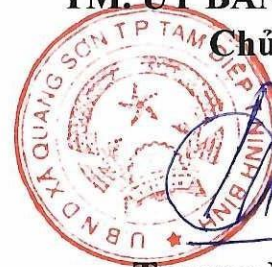
Tài chính, kế toán

Hà Thị Chinh

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch



Trương Văn Hiên

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng thu NSNN	Thu điều tiết NSX
	TỔNG CỘNG	351.192.000.000	15.987.000.000
A	Thu trên địa bàn (I+II)	338.200.000.000	2.995.000.000
I	Thu trong cân đối	3.200.000.000	1.245.000.000
1	Thu từ KV ngoài QĐ	38.000.000	24.000.000
-	<i>Thuế GTGT</i>	<i>38.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	660.000.000	462.000.000
3	Thuế SD đất phí nông nghiệp	85.000.000	60.000.000
4	Phí, lệ phí	39.000.000	39.000.000
-	<i>Lệ phí môn bài</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
-	<i>Phí, lệ phí tại xã, phường</i>	<i>35.000.000</i>	<i>35.000.000</i>
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.348.000.000	630.000.000
-	<i>Từ SXKD</i>	<i>8.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
-	<i>Từ chuyển nhượng đất</i>	<i>2.340.000.000</i>	<i>625.000.000</i>
6	Thu khác ngân sách	30.000.000	30.000.000
II	Thu tiền sử dụng đất	335.000.000.000	1.750.000.000
B	Thu bổ sung	12.992.000.000	12.992.000.000
1	Bổ sung cân đối	5.128.000.000	5.128.000.000
	<i>Chi thường xuyên</i>	<i>5.028.000.000</i>	<i>5.028.000.000</i>
	<i>Chi đầu tư</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
2	Bổ sung có mục tiêu	7.864.000.000	7.864.000.000
-	<i>Đại hội hội nông dân</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
-	<i>Chương trình MTQG XD NTM</i>	<i>310.000.000</i>	<i>310.000.000</i>
-	<i>Chi xây dựng cơ bản nguồn ngân sách tỉnh</i>	<i>4.800.000.000</i>	<i>4.800.000.000</i>
-	<i>Chi sự nghiệp có tính chất đầu tư</i>	<i>2.734.000.000</i>	<i>2.734.000.000</i>

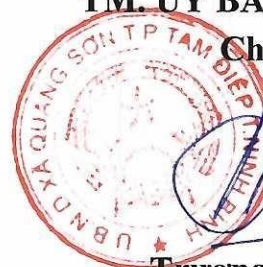
Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Tài chính, kế toán

Hà Thị Chinh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch



Trương Văn Hiên



Tỉnh Ninh Bình
 Thành phố Tam Điệp
 UBND xã Quang Sơn

Mẫu biểu số 03
 (Ban hành kèm theo
 Thông tư số 344/2016/TT-BTC)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
 (Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: đồng.

TT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SÔ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI	15.987.000.000	7.096.000.000	8.891.000.000
I	CHI THƯỜNG XUYÊN	15.569.000.000	7.096.000.000	8.473.000.000
	<i>Nguồn lương, phụ cấp</i>	<i>3.546.100.000</i>	<i>-</i>	<i>3.546.100.000</i>
1	Chi sự nghiệp quốc phòng	221.800.000	-	221.800.000
	Phụ cấp thôn đội trưởng	122.000.000		122.000.000
	Phụ cấp phó ban chỉ huy quân sự xã	53.000.000		53.000.000
	Chi sự nghiệp quốc phòng	28.800.000		28.800.000
	Hỗ trợ bổ sung chi công tác Quốc phòng	18.000.000		18.000.000
2	Chi sự nghiệp an ninh	51.300.000	-	51.300.000
	Chi sự nghiệp an ninh	24.300.000		24.300.000
	Hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự	27.000.000		27.000.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục	4.079.169.000	1.944.169.000	2.135.000.000
*	Chi đầu tư và sự nghiệp có tính chất đầu tư	3.944.169.000	1.944.169.000	2.000.000.000
-	<i>Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ nhà học 2 tầng 4 lớp trường mầm non Quang Sơn, thành phố Tam Điệp</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>	
-	<i>Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Quang Sơn, thành phố Tam Điệp</i>	<i>1.300.000.000</i>	<i>1.300.000.000</i>	
-	<i>Cải tạo nâng cấp hạng mục phụ trợ trường tiểu học Quang Sơn</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	
-	<i>Sửa chữa nhà học bộ môn trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp</i>	<i>4.169.000</i>	<i>4.169.000</i>	



STT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3
-	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Quang Sơn	200.000.000	200.000.000	
-	Xây dựng nhà vệ sinh giáo viên trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	140.000.000	140.000.000	
-	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	300.000.000		300.000.000
-	Cải tạo, sửa chữa nhà học 2 tầng 6 lớp và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	850.000.000		850.000.000
-	Cải tạo, nâng cấp sân thể dục và hệ thống thoát nước phía sau trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	850.000.000		850.000.000
*	Chi SN Giáo dục	106.200.000		106.200.000
*	Hỗ trợ KP TT học tập CD xã	18.000.000		18.000.000
*	KP tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo NQ 116/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	10.800.000		10.800.000
4	Chi sự nghiệp văn hoá TT	366.088.000	268.588.000	97.500.000
*	Chi đầu tư	268.588.000	268.588.000	
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hang Nước, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	72.011.000	72.011.000	
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	146.577.000	146.577.000	
-	Cải tạo nâng cấp các hạng mục phụ trợ nhà văn hoá thôn Sông Vắn, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	50.000.000	50.000.000	
*	Sự nghiệp Văn hoá TT	22.500.000		22.500.000
*	Hỗ trợ hoạt động khu dân cư	55.000.000		55.000.000
*	Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC	20.000.000		20.000.000
5	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	31.500.000	-	31.500.000
	Chi sự nghiệp thể dục thể thao theo định mức	31.500.000		31.500.000
6	Chi sự nghiệp kinh tế	6.121.643.000	4.883.243.000	1.238.400.000
*	Chi đầu tư và sự nghiệp có tính chất đầu tư	5.617.243.000	4.883.243.000	734.000.000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3
-	Cải tạo mương thoát nước từ sau nhà ông Hoàng đến Kênh chính	150.000.000	150.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp các công trình phụ trợ chợ Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	100.000.000	100.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Sơn nối dài (Đoạn từ trường THCS đến ngã ba đi Hồ Than), xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp; hạng mục điện chiếu sáng	63.569.000	63.569.000	
-	Lắp đặt điện chiếu sáng ngõ xóm thôn Tân Nhuận, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	44.946.000	44.946.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	178.649.000	178.649.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Khe Gỏi, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	58.806.000	58.806.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường vào trạm y tế xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	41.273.000	41.273.000	
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Trại Vòng, thành phố Tam Điệp	100.000.000	100.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tân Nam, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	300.000.000	300.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông xây dựng thôn Tân Nam đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu	200.000.000	200.000.000	
-	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Đồng Giao với Quốc Lộ 12B (đoạn từ đường Đồng Giao đến thôn Thống Nhất), xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	1.700.000.000	1.700.000.000	
-	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường Lý Thái Tổ (Đoạn từ đường Quang Sơn đến Trạm cấp nước) thôn Tân Hạ, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	1.300.000.000	1.300.000.000	
-	Xây dựng tuyến đường kết nối thôn Tân Trung – Tân Thượng xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	350.000.000	350.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Sơn (đoạn từ ngã ba Tân Nhuận đến thôn Bãi Sỏi), thành phố Tam Điệp	100.000.000	100.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Sơn (đoạn từ Hồ Than đến thôn Bãi Sỏi), thành phố Tam Điệp	100.000.000	100.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Bãi Sỏi, thôn Tân Hạ thành phố Tam Điệp	350.000.000	96.000.000	254.000.000

STT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3
-	<i>Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước phía Tây trường tiểu học Quang Sơn và các hạng mục phụ trợ khác</i>	480.000.000		480.000.000
*	Chi sự nghiệp kinh tế	135.000.000		135.000.000
*	Hỗ trợ nâng chuẩn NTM kiểu mẫu	59.400.000		59.400.000
*	Chương trình MTQG xây dựng NTM	310.000.000		310.000.000
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	125.300.000	-	125.300.000
	Trợ cấp hàng tháng đối với CB xã đã nghỉ việc	58.000.000		58.000.000
	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	42.300.000		42.300.000
	Quà mừng thọ theo QĐ 441	25.000.000		25.000.000
8	Chi sự nghiệp y tế, dân số	78.300.000	-	78.300.000
	Chi sự nghiệp y tế	18.000.000		18.000.000
	Hỗ trợ hoạt động dân số	7.200.000		7.200.000
	Phụ cấp cán bộ y tế thôn	53.100.000		53.100.000
9	Chi sự nghiệp phát thanh - TH	62.100.000		62.100.000
10	Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	4.337.300.000	-	4.337.300.000
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>	<i>3.235.000.000</i>	-	<i>3.235.000.000</i>
10.1	Quản lý nhà nước	2.611.500.000	-	2.611.500.000
	Chi nghiệp vụ	386.100.000		386.100.000
	Tiền lương, PC và các khoản đóng góp của CBCC	1.155.000.000		1.155.000.000
	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND	208.000.000		208.000.000
	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND - Trưởng thôn	220.000.000		220.000.000
	Phụ cấp những người trực tiếp tham gia công việc của thôn - phó thôn	136.000.000		136.000.000
	Phụ cấp đại biểu HĐND cấp xã	118.000.000		118.000.000
	Phụ cấp kiêm nhiệm lãnh đạo các ban của HĐND cấp xã, Tổ trưởng tổ ĐB HĐND thành phố	14.000.000		14.000.000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3
	Kinh phí hoạt động của Thường trực HĐND và tổ chức kỳ họp HĐND cấp xã	54.000.000		54.000.000
	Kinh phí bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ở cấp xã theo NQ số 43/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh	43.000.000		43.000.000
	Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm tại Bộ phận Một cửa cấp xã theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh (gồm cả trang phục)	47.000.000		47.000.000
	Chi hoạt động ban Thanh tra nhân dân theo TT 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của BTC và giám sát đầu tư cộng đồng	16.200.000		16.200.000
	Kinh phí thực hiện CS đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù và các nhiệm vụ đảm bảo ANTT cấp xã theo Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của CP	4.500.000		4.500.000
	Kinh phí thực hiện thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ	9.000.000		9.000.000
	Kinh phí chi hoạt động chung của xã, phường, thị trấn	90.000.000		90.000.000
	Đường truyền chuyên dùng	14.400.000		14.400.000
	Kinh phí duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	10.800.000		10.800.000
	Trang thông tin điện tử	10.800.000		10.800.000
	Internet nhà văn hóa thôn, tổ	19.800.000		19.800.000
	Phí gia hạn Phần mềm QL hộ tịch, QL tài sản, kế toán, chữ ký số	10.800.000		10.800.000
	Biên lai điện tử	4.500.000		4.500.000
	Website xã phường	10.800.000		10.800.000
	Hỗ trợ chi sửa chữa trang thiết bị, tài sản	28.800.000		28.800.000
1.2	Đang	795.500.000	-	795.500.000
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	324.000.000		324.000.000
	Chi nghiệp vụ	89.100.000		89.100.000



STT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3
	Phụ cấp ủy viên cấp xã	70.000.000		70.000.000
	Phụ cấp phục vụ khối đảng	7.000.000		7.000.000
	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND - bí thư chi bộ	220.000.000		220.000.000
	Trợ cấp đối với đảng viên 40 năm tuổi đảng trở lên	26.000.000		26.000.000
	Kinh phí thực hiện chi hoạt động công tác Đảng theo QĐ 99	59.400.000		59.400.000
10.3	Đoàn thể, hiệp hội	930.300.000	-	930.300.000
10.3.1	Mặt trận Tổ quốc	261.060.000	-	261.060.000
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	93.000.000		93.000.000
	Chi nghiệp vụ	11.700.000		11.700.000
	Chi hoạt động MTTQ	18.000.000		18.000.000
	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND	120.000.000		120.000.000
	Kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh	14.220.000		14.220.000
	Kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo NQ số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh	4.140.000		4.140.000
10.3.2	Hội Phụ nữ	162.640.000	-	162.640.000
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	83.000.000		83.000.000
	Chi nghiệp vụ	11.700.000		11.700.000
	Chi hoạt động hội Phụ nữ	18.000.000		18.000.000
	Phụ cấp những người trực tiếp tham gia công việc của thôn theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND	30.000.000		30.000.000
	Kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh	15.800.000		15.800.000
	Kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo NQ số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh	4.140.000		4.140.000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3
3.3	Hội Nông dân	179.060.000	-	179.060.000
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	83.000.000		83.000.000
	Chi nghiệp vụ	11.700.000		11.700.000
	Chi hoạt động hội nông dân	18.000.000		18.000.000
	Phụ cấp những người trực tiếp tham gia công việc của thôn theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND	30.000.000		30.000.000
	Kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh	14.220.000		14.220.000
	Kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo NQ số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh	4.140.000		4.140.000
	Đại hội Hội Nông dân	18.000.000		18.000.000
3.4	Hội Cựu chiến binh	103.060.000	-	103.060.000
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	25.000.000		25.000.000
	Chi nghiệp vụ	11.700.000		11.700.000
	Chi hoạt động hội Cựu chiến binh	18.000.000		18.000.000
	Phụ cấp những người trực tiếp tham gia công việc của thôn theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND	30.000.000		30.000.000
	Kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh	14.220.000		14.220.000
	Kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo NQ số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh	4.140.000		4.140.000
3.5	Bí thư đoàn Thanh niên CSHCM	138.080.000	-	138.080.000
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	60.000.000		60.000.000
	Chi nghiệp vụ	11.700.000		11.700.000
	Chi hoạt động đoàn Thanh niên CSHCM	18.000.000		18.000.000
	Phụ cấp những người trực tiếp tham gia công việc của thôn theo Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND	30.000.000		30.000.000

STT	Nội dung	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3
	Kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh	14.220.000		14.220.000
	Kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo NQ số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh	4.160.000		4.160.000
10.3.6	<i>Hiệp hội đặc thù</i>	86.400.000	-	86.400.000
	Phụ cấp hội đặc thù theo theo Nghị quyết số 26/2011/NQ- HĐND	63.000.000		63.000.000
	Hỗ trợ hoạt động cho Chi hội Người cao tuổi ở thôn	14.400.000		14.400.000
	Chi hỗ trợ hoạt động các hiệp hội	9.000.000		9.000.000
11	Chi sự nghiệp môi trường	94.500.000	-	94.500.000
	Chi sự nghiệp môi trường	94.500.000		94.500.000
II	10% tiết kiệm chi hoạt động thường xuyên làm nguồn cải cách tiền lương và chế độ chính sách mới	251.000.000		251.000.000
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	167.000.000		167.000.000

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Tài chính, kế toán



Hà Thị Chinh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Văn Hiên

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: 1.000 đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng DT được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023					
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của ND			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn			
								Nguồn chi sự nghiệp từ NS cấp trên	Nguồn đầu tư bổ sung từ ngân sách cấp trên	Nguồn NS xã	
2	3	4	5	6	7	8 = 10+11+12+13	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG		47.364.648	-	13.495.551	6.388.273	9.830.000	3.030.000	2.734.000	5.346.000	1.750.000	-
Công trình chuyển tiếp KH vốn		15.752.953	-	13.270.551	6.388.273	3.030.000	3.030.000	1.034.000	946.000	1.050.000	-
Cải tạo, nâng cấp đường Quang Sơn nối dài (Đoạn từ trường THCS đến ngã ba đi Hồ Than), xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp; hạng mục điện chiếu sáng	2020-2021	343.916		343.569	280.000	63.569	63.569	-	-	63.569	
Lắp đặt điện chiếu sáng ngõ xóm thôn Tân Nhuận, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2020-2021	264.946		264.946	220.000	44.946	44.946	-	-	44.946	
Xây dựng nhà văn hóa thôn Hang Nước, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2020-2021	681.114		660.059	588.048	72.011	72.011	-	-	72.011	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2021-2022	931.000		880.000	701.351	178.649	178.649	-	-	178.649	
Cải tạo, nâng cấp đường thôn Khe Gò, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2021	339.228		339.000	280.194	58.806	58.806	-	-	58.806	
Cải tạo, nâng cấp đường vào trạm y tế xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2021-2022	973.628		510.064	468.791	41.273	41.273	-	-	41.273	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng DT được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của ND			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn chi sự nghiệp từ NS cấp trên	Nguồn đầu tư bổ sung từ ngân sách cấp trên	Nguồn NS Thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8 = 10+11+12+13	9	10	11	12
7	Sửa chữa nhà học bộ môn trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022	1.085.598		862.136	857.967	4.169	4.169	-	-	4.169
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đường giao thông thôn Trại Vòng, thành phố Tam Điệp	2022	870.305		770.000	264.143	100.000	100.000	-	-	100.000
9	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022	409.593		387.588	-	300.000	300.000	300.000	-	-
10	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước phía Tây trường tiểu học Quang Sơn và các hạng mục phụ trợ khác	2022	1.133.331		1.080.000	600.000	480.000	480.000	480.000	-	-
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Bãi Sỏi, thôn Tân Hạ thành phố Tam Điệp	2022	1.072.400		1.000.000	55.648	350.000	350.000	254.000	96.000	-
12	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ nhà học 2 tầng 4 lớp trường mầm non Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022	1.132.841		1.026.072	485.000	200.000	200.000	-	200.000	-
13	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Quang Sơn	2022-2023	2.624.784		2.372.226	896.372	200.000	200.000	-	-	200.000
14	Xây dựng nhà vệ sinh giáo viên trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022	340.000		330.000	-	140.000	140.000	-	-	140.000
15	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022-2023	1.705.378		1.000.000	87.435	146.577	146.577	-	-	146.577
16	Xây dựng tuyến đường kết nối thôn Tân Trung – Tân Thượng xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022	644.891		644.891	31.332	350.000	350.000	-	350.000	-

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng DT được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023						
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của ND			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn				
								Nguồn chi sự nghiệp từ NS cấp trên	Nguồn đầu tư bổ sung từ ngân sách cấp trên	Nguồn NS xã		
										Thu tiền sử dụng đất	ND đóng góp	
2	3	4	5	6	7	8 = 10+11+12+13	9	10	11	12	13	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tân Nam, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022-2023	1.200.000		800.000	571.992	300.000	300.000	-	300.000	-		
Công trình khởi công mới		31.611.695	-	225.000	-	6.800.000	-	1.700.000	4.400.000	700.000	-	
Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông xây dựng thôn Tân Nam đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu	2023	900.000		50.000		200.000		-	-	200.000		
Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022-2024	4.500.000		175.000	-	1.300.000		-	1.300.000	-		
Xây dựng tuyến đường kết nối đường Đồng Giao với Quốc Lộ 12B (đoạn từ đường Đồng Giao đến thôn Thống Nhất), xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022-2025	14.995.000		-	-	1.700.000		-	1.700.000	-		
Cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường Lý Thái Tổ (Đoạn từ đường Quang Sơn đến Trạm cấp nước) thôn Tân Hạ, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2022-2025	4.500.000		-	-	1.300.000		-	1.300.000	-		
Cải tạo, sửa chữa nhà học 2 tầng 6 lớp và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2023	1.200.000		-	-	850.000		850.000	-	-		
Cải tạo, nâng cấp sân thể dục và hệ thống thoát nước phía sau trường THCS Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2023	1.200.000		-	-	850.000		850.000	-	-		
Cải tạo, nâng cấp các công trình phụ trợ chợ Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2023	600.000		-	-	100.000		-	100.000	-		

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng DT được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023					
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của ND			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn			
									Nguồn chi sự nghiệp từ NS cấp trên	Nguồn đầu tư bổ sung từ ngân sách cấp trên	Nguồn NS : Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8 = 10+11+12+13	9	10	11	12	
8	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2023	500.000		-	-	100.000		-	-	100.000	
9	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Sơn (đoạn từ ngã ba Tân Nhuận đến thôn Bãi Sỏi), thành phố Tam Điệp	2023	1.116.695		-	-	100.000		-	-	100.000	
10	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Sơn (đoạn từ Hồ Than đến thôn Bãi Sỏi), thành phố Tam Điệp	2023	1.200.000		-	-	100.000		-	-	100.000	
11	Cải tạo mương thoát nước từ sau nhà ông Hường đến Kênh chính	2023	200.000		-	-	150.000		-	-	150.000	
12	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ nhà văn hoá thôn Sòng Vện, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	2023	700.000		-	-	50.000		-	-	50.000	

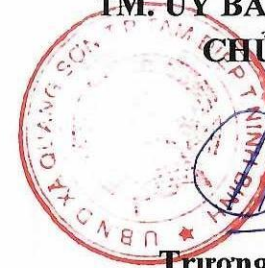
Ngày 30 tháng 12 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tài chính, kế toán



Hà Thị Chinh



Trương Văn Hiến

Tỉnh Ninh Bình
Thành phố Tam Điệp
UBND xã Quang Sơn

Mẫu biểu số 05
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 344/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2022				Kế hoạch năm 2023		
	Tồn đầu năm	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Tổng số							
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách							
-							
2. Các hoạt động sự nghiệp							
+ Chợ	30.000	12.000		42.000	24.000	66.000	-
+ Bến bãi							

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

Tài chính, kế toán



Hà Thị Chinh

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Văn Hiến

